

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/DS-ST

Ngày: 26-4-2024

V/v “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Trứ

2. Bà Đặng Thị Tiềm

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Phạm Kiều Nhi, Thư ký
Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Quốc V – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXX-ST ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Phan Thị T**, sinh năm 1961;

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn:

1/ Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1972;

2/ Ông **Đoàn Văn P**, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Bà **Hồ Thị Kim L**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1956;

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà T, bà N và ông P có mặt; Bà L, bà M có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong Đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2023, Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Phan Thị T trình bày:*

Do quen biết ở xóm vợ chồng ông P,, vào năm 2009, bà T có tham gia góp hụi mùa lúa bằng vàng do bà N làm đầu thảo hụi. Đến năm 2014 thì vợ chồng ông P, bà N tuyên bố bế hụi và dừng góp hụi nhưng không có trả lại số vàng mà bà T đã tham gia góp.

Ngày 04/10/2014 thì ông P, bà N làm giấy nợ vàng của bà T với số nợ là 14 chỉ 05 phân vàng. Trong nội dung giấy nợ thì ông P, bà N có hứa trả và cách trả cho đến hết số vàng đã nợ.

Nhưng cho đến nay ông P, bà N chỉ trả cho bà T được 2,5 chỉ vàng 24k và 9.000.000đồng, đồng ý quy số tiền này thành 02 chỉ vàng 24k; cần trừ hụi của 3 Loan 02 chỉ vàng 24kr.

Số vàng hiện tại ông P, bà N còn nợ bà T là 14,5 (chỉ vàng 24k) – 6,5 (chỉ vàng 24k) = 08 (chỉ vàng 24k).

Hiện nay đã quá lâu, bà T đã nhiều lần yêu cầu ông P, bà N trả bà T số vàng còn nợ lại mà ông P, bà N trả lời là không trả. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N và ông Đoàn Văn P trả cho bà Phan Thị T 08 chỉ vàng 24kr, yêu cầu trả làm 01 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thị N trình bày:*

Vào năm 2009, bà Phan Thị T có tham gia góp hụi mùa lúa bằng vàng do bà N làm đầu thảo hụi. Đến năm 2014 thì vợ chồng ông P, bà N tuyên bố bế hụi và dừng góp hụi do các hụi viên ngưng đóng hụi.

Ngày 04/10/2014 thì ông P, bà N làm giấy nợ vàng của bà T có nội dung: “Chị 2 T (Tuyệt 3 loan) có vô Ngoan 1 phần hụi vàng 01 chỉ chị đóng tổng cộng là 16 người – 1 người khoan vùng 2 Kiệt còn 15 người x 1 chỉ = 15 chỉ. Vụ 3-14 (4-10-14 - 5 phân). Vậy N còn nợ 14 chỉ 5 phân. Ngoan hứa tới vụ Đông Xuân năm 2015 Ngoan trả cho chị 6 chỉ còn lại bao nhiêu N trả mỗi vụ 03 chỉ

đến hết số hụi nói trên. Hôm nay 4-10-2014”; Ông P và bà N có ký tên, ghi họ tên vào giấy nợ vàng. Theo giấy nợ vàng ngày 04/10/2014 thì Chị 2 T (Tuyết 3 loan) là tên thường gọi của bà Phan Thị T là nguyên đơn trong vụ án này.

Sau khi viết biên nhận ông P và bà N có trả cho bà T nhiều lần: Vụ 2/2015 trả 02 chỉ vàng 24kr, tháng 7/2017 trả 0,5 chỉ vàng 24kr, vụ 3/2017 có giao 0,5 chỉ vàng 24kr ở chợ M1; cân trừ hụi của 3 Loan 02 chỉ vàng 24kr, cân từ tiền bà N chơi hụi của Chín Miền số tiền hụi quy đổi thành 02 chỉ vàng 24kr; tổng cộng trả được 07 chỉ vàng 24kr.

Nay bà N thừa nhận chỉ còn nợ bà T 7,5 vàng 24kr; đồng ý trả cho bà T 7,5 chỉ vàng 24kr nhưng xin cho thêm thời gian để ông P và bà N thu tiền hụi của hụi viên rồi trả tiền hụi cho bà T.

** Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn Đoàn Văn P trình bày:*

Ông P thống nhất lời trình bày của bà N. Chữ ký và ghi họ tên Đoàn Văn P trong giấy hụi ngày 04-10-2014 đúng là của ông P. Ông P biết bà T có tham gia chơi hụi với bà N, khui hụi tại nhà có mặt của ông P, sau khi bà T và bà N chốt hụi thì bà N có làm giấy hụi ngày 04-10-2014 thừa nhận nợ 14,5 chỉ vàng 24kr như bà N trình bày. Bà T yêu cầu ông P ký tên cùng thừa nhận nợ với bà N nên ông P đồng ý và ký tên vào biên nhận. Đầu thảo hụi là bà N, ông P chỉ ký tên khi thừa nhận nợ. Khi tham gia chơi hụi các hụi viên có thỏa thuận nếu hụi viên không đóng hụi thì tập thể cùng nhau đòi (không có thỏa thuận bằng văn bản).

** Trong biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 4 năm 2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hồ Thị Kim L trình bày:*

Bà L có tên thường gọi 3 L - là em dâu của bà Phan Thị T; không có bà con thân tộc gì với ông Đoàn Văn P, bà Nguyễn Thị N, cũng không có mâu thuẫn gì với bà Phan Thị T và ông Đoàn Văn P, bà Nguyễn Thị N. Vào năm 2009, do bà L ở gần nhà của ông Đoàn Văn P, bà Nguyễn Thị N nên biết được bà N có làm đầu thảo các dây hụi vàng, bà L có nói lại với bà Phan Thị T biết. Sau đó tự bà T và bà N thỏa thuận với nhau về việc chơi hụi. Bà L chỉ biết bà T tham gia chung với bà L 01 phần hụi của dây hụi vàng 01 chỉ vàng 24k, hụi mùa – mỗi năm khui hụi 03 lần do bà N làm chủ hụi. Bà T là người trực tiếp bỏ thăm và đóng hụi cho ông P và bà N. Dây hụi này đã bể. Việc nợ hụi giữa bà T và ông

P, bà N thì bà L không biết rõ nhưng sau khi bể hụi thì bà L biết ông P, bà N còn nợ hụi của bà T nên bà L có đề nghị với bà N để bà L cầm trừ 02 chỉ vàng 24kr trả cho bà T (thay vì phải đóng lại hụi chết cho bà N), được bà N đồng ý nên bà L đã trực tiếp giao cho bà T nhận 02 chỉ vàng 24kr, bà L không nhớ rõ đã giao khi nào. Khi rủ chơi hụi là bà N rủ các hụi viên tham gia; khi khai hụi là tại nhà chung của ông P và bà N có khi có mặt ông P. Vì thời gian quá lâu nên bà L không thể nhớ rõ từng mốc thời gian hay số phần hụi cụ thể của dây hụi. Bà N có đề cập đến việc khi nào có hụi viên không đóng hụi thì tập thể cùng đòi trong một lần khai hụi (đã khai hụi khoảng 01-02 lần), không phải thỏa thuận từ ban đầu khi bắt đầu chơi hụi và bà L xác định lần bà N đề cập đến việc này thì không có mặt của bà T.

** Trong biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 4 năm 2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị M trình bày:*

Việc chơi hụi giữa bà Phan Thị T và ông Đoàn Văn P, bà Nguyễn Thị N như thế nào thì bà M không biết. Tuy nhiên, bà N và bà T có đến gặp bà M và thống nhất thỏa thuận: bà N và bà T sẽ cùng tham gia chung một phần hụi do bà M làm chủ hụi, cụ thể là dây hụi 1.000.000đồng, gồm 20 phần, mở khai hàng tháng; bà N và bà T mỗi người phải đóng hụi sống 400.000đồng/tháng cho đến khi mãn hụi; đến khi mãn hụi thì bà N đồng ý để bà T được hốt toàn bộ phần hụi để trả số tiền hụi mà bà N còn nợ cho bà T. Dây hụi này đã mãn, phần hụi mà bà N và bà T tham gia chơi đã hốt sau cùng được số tiền 18.800.000đồng (sau khi đã trừ huê hồng 200.000đồng) xem như bà N và bà T mỗi người được 9.400.000đồng. Trước khi giao hụi cho bà T thì bà M có thông báo cho bà N và được bà N đồng ý nên bà M đã trực tiếp giao cho bà T 18.800.000đồng; xem như bà N đã trả cho bà T được 9.400.000đồng, tương đương với khoảng 02 chỉ vàng 24k vào thời điểm hốt hụi. Thời gian cụ thể chơi hụi, hốt, giao hụi khi nào bà M không nhớ do đã quá lâu.

Tại phiên tòa;

Nguyên đơn Phan Thị T và bị đơn Nguyễn Thị N, Đoàn Văn P thống nhất bà N và ông P còn nợ lại bà T 7,5 chỉ vàng 24kr. Bà N và ông P đồng ý trả cho bà T 7,5 chỉ vàng 24kr nhưng đề nghị trả khi thu được tiền hụi của các hụi viên còn nợ; bà T yêu cầu trả 01 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Kim L và bà Nguyễn Thị M có đơn xin vắng mặt

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng góp hụi, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Kim L và bà Nguyễn Thị M có đơn xin vắng mặt căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L và bà M.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị T và bị đơn ông Đoàn Văn P, bà Nguyễn Thị N thống nhất: Vào năm 2009, bà Phan Thị T có tham gia góp hụi mùa lúa bằng vàng do bà N làm đầu thảo hụi. Hợp đồng góp hụi giữa bà Nguyễn Thị N và bà Phan Thị T đã được các bên tự nguyện xác lập. Khi khai hụi tại nhà của ông P và bà N, có mặt của ông P. Đến năm 2014 thì vợ chồng ông P, bà N tuyên bố bế hụi và dừng góp hụi do các hụi viên ngưng đóng hụi. Giữa bà T và bà N đã có thỏa thuận chấm dứt hợp đồng góp hụi, xác định số nợ cần trả và phương thức trả, cụ thể ngày 04/10/2014 thì ông P, bà N làm giấy nợ vàng của bà T có nội dung: *“Chị 2 T (Tuyệt 3 loan) có vô Ngoan 1 phân hụi vàng 01 chỉ chị đóng tổng cộng là 16 người – 1 người khoanh vùng 2 Kiệt còn 15 người x 1*

chỉ = 15 chỉ. Vụ 3-14 (4-10-14 -5 phân). Vậy N còn nợ 14 chỉ 5 phân. Ngoan hứa tới vụ Đông Xuân năm 2015 Ngoan trả cho chị 6 chỉ còn lại bao nhiêu N trả mỗi vụ 03 chỉ đến hết số hụi nói trên. Hôm nay 4-10-2014”; Ông P và bà N có ký tên, ghi họ tên vào giấy nợ vàng này. Sau khi viết biên nhận ông P và bà N có trả cho bà T nhiều lần: Vụ 2/2015 trả 02 chỉ vàng 24kr, tháng 7/2017 trả 0,5 chỉ vàng 24kr, cân trừ hụi của 3 Loan 02 chỉ vàng 24kr, cân trừ tiền bà N chơi hụi của Chín Miền số tiền hụi quy đổi thành 02 chỉ vàng 24kr; đối với lời trình bày của ông P và bà N về việc có giao 0,5 chỉ vàng 24kr cho bà T vào vụ 3/2017 ở chợ M1 không được bà T thừa nhận nhưng bà T đồng ý trừ đi 0,5 chỉ vàng này nên các đương sự thống nhất ông P, bà N còn nợ bà T 7,5 chỉ vàng 24kr. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông Đoàn Văn P và bà Nguyễn Thị N còn nợ lại bà Phan Thị T 7,5 chỉ vàng 24kr. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Đoàn Văn P và bà Nguyễn Thị N trả cho bà Phan Thị T 7,5 chỉ vàng 24kr là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét lời trình bày của bị đơn về việc đề nghị trả số nợ khi thu được tiền hụi của các hụi viên còn nợ: Lời trình bày này của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận. Bên cạnh đó, theo nội dung thỏa thuận ngày 04/10/2014, bà N và ông P đã xác định nghĩa vụ trả nợ hụi và phương thức trả như sau: “...*N hứa tới vụ Đ năm 2015 Ngoan trả cho chị 6 chỉ còn lại bao nhiêu N trả mỗi vụ 03 chỉ đến hết số hụi nói trên*”. Tuy nhiên, bà N và ông P đã không thực hiện đúng thỏa thuận mà kéo dài thời gian trả nợ cho đến nay. Bị đơn đề nghị trả số nợ khi thu được tiền hụi của các hụi viên còn nợ trong khi chính bị đơn lại xác định các hụi viên còn nợ tiền hụi hiện tại không có mặt tại địa phương nên ông P và bà N chưa tiến hành khởi kiện; cũng không xác định khi nào sẽ thu được tiền hụi của các hụi viên. Do đó, đề nghị trả số nợ khi thu được tiền hụi của các hụi viên còn nợ là không có cơ sở, làm ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của bà Phan Thị T nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N và ông Đoàn Văn P có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

$$5\% \times (7.400.000\text{đồng}/\text{chỉ} \times 7,5 \text{ chỉ vàng } 24\text{kr}) = 2.775.000\text{đồng}.$$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 424 và Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 14 và Điều 15 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, họ, hiệu, họ, họ;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường/vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị T.

Buộc bị đơn Nguyễn Thị N và Đoàn Văn P có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Phan Thị T 7,5 (bảy phẩy năm) chỉ vàng 24kr. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N và ông Đoàn Văn P chịu 2.775.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị T được miễn tạm ứng án phí và án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

3/ Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi Cục THADS thị xã Cai Lậy, TG;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Cẩm Loan